

Bản án số: 101/2019/DS-ST
Ngày 27 – 8 – 2019
V/v tranh chấp hội và vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Chi

Ông Trần Chí Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hội và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 208/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Ng đơn: Chị Hồ Kim N, sinh năm 1988. Cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện P1, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Tấn L, sinh năm 1964. Cư trú tại: Ấp M, xã T1, huyện Đ2, tỉnh Cà Mau (có mặt) – Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2019.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Ánh T, sinh năm 1957. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Mai Thị Ng, sinh năm 1960. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của chị Hồ Kim N và lời trình bày tại phiên tòa của ông Hồ Tấn L thể hiện:*

Chị N tham gia hội do ông Lê Ánh T và bà Mai Thị Ng làm đầu thảo và

đã đình hui vào ngày 12/9/2017 âm lịch, cụ thể như sau:

- Dây hui mở ngày 15/6/2015 âm lịch, gồm 35 phần, loại hui 500.000 đồng/tháng, chị N tham gia 01 phần, đóng được đến ngày ông T, bà Ng đình hui là 27 lần.

- Dây hui mở ngày 30/02/2016 âm lịch, gồm 40 phần, loại hui 1.000.000 đồng/tháng, chị N tham gia 01 phần, đóng được đến ngày ông T, bà Ng đình hui là 19 lần.

- Trong một dây hui khác bà Ng, ông T còn thiếu số tiền là 2.600.000 đồng.

Ngoài ra ông T, bà Ng còn vay của chị N 21.000.000 đồng, lãi suất 60.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, thỏa thuận 01 năm trả vốn và lãi trả hàng tháng nhưng đến nay chưa trả vốn và lãi.

Sau khi đình hui, bà Ng, ông T trả được 18.000.000 đồng thì đã làm biên nhận, theo đó số tiền hui còn thiếu là 16.700.000 đồng và tiền vay là 21.000.000 đồng. Do vậy, chị N khởi kiện yêu cầu ông T, bà Ng trả lại tổng số tiền là 37.700.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông L thừa nhận số tiền trong biên nhận của dây hui 500.000 đồng khi tính toán có sai sót (200.000 đồng) và chưa trừ tiền hoa hồng (300.000 đồng); ông thừa nhận số tiền 2.050.000 đồng bà Ng đã đưa vào ngày 15/5/2019 âm lịch. Các khoản tiền này ông đồng ý đối trừ vào số tiền còn thiếu và yêu cầu bà Ng, ông T trả số tiền còn lại là 35.150.000 đồng.

** Lời trình bày của bà Mai Thị Ng tại phiên tòa thể hiện:* Bà thừa nhận chị N có tham gia dây hui 500.000 đồng, dây hui 1.000.000 đồng như ông L đã trình bày và thiếu tiền dây hui khác 2.600.000 đồng. Khi làm biên nhận đã tính sai số tiền của dây hui 500.000 đồng và chưa trừ tiền hoa hồng và vào ngày 15/5/2019 âm lịch bà đưa cho chị N số tiền 2.050.000 đồng. Do đó, bà thống nhất theo yêu cầu của ông L, đối trừ các khoản như trên thì bà đồng ý trả cho chị N số tiền 35.150.000 đồng.

** Đối với ông Lê Ánh T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông T không có ý kiến gì và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Ánh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, ông L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của chị N, sau khi đối trừ các khoản, ông yêu cầu bà Ng, ông T trả số tiền 35.150.000 đồng.

Xét thấy, việc ông L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của chị N là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo các danh sách hội viên, bản giao kèo hội và bản đối chiếu nợ hội do chị Hồ Kim N cung cấp thể hiện: Chị N tham gia các dây hội do bà Ng, ông T làm đầu thảo, tính đến ngày đình hội (ngày 12/9/2017) thì dây hội 500.000 đồng đóng được 27 lần, dây hội 1.000.000 đồng đóng được 19 lần và phần nợ dây hội khác là 2.600.000 đồng. Ngoài ra còn thể hiện bà Ng vay của chị N số tiền 21.000.000 đồng, ông T, bà Ng trả được 18.000.000 đồng; sau khi đối trừ tiền trả và tiền hoa hồng thì bà Ng làm biên nhận thiếu số tiền hội là 16.700.000 đồng và tiền vay là 21.000.000 đồng (bút lục 06).

Tại phiên tòa, ông L, bà Ng thống nhất trong dây hội 500.000 đồng trong biên nhận có sự sai sót và chưa trừ tiền hoa hồng cũng như việc bà Ng đã trả vào ngày 15/5/2019 âm lịch 2.050.000 đồng nên đồng ý đối trừ các khoản tiền này.

Bà Ng đồng ý trả cho chị N tổng số tiền 35.150.000 đồng theo yêu cầu của ông L; đối với ông T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị N nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, ông L yêu cầu ông T, bà Ng trả cho chị N số tiền 35.150.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T thuộc trường hợp được miễn (người cao tuổi) và bà Ng phải chịu là: $35.150.000 \text{ đồng} \times 5\%/2 \times 50\% = 439.375 \text{ đồng}$ (có đơn xin giảm án phí).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Điều 463 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Kim N. Buộc ông Lê Ánh T và bà Mai Thị Ng trả cho chị N tổng số tiền là 35.150.000 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị N cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông T, bà Ng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn cho ông T.
- Bà Ng phải chịu là 439.375 đồng (bốn trăm ba mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) (chưa nộp).
- Chị N không phải chịu. Hoàn trả lại cho chị N số tiền 943.000 đồng (chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009590 ngày 04/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn